

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VĨNH YÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VĨNH YÊN

Địa chỉ: Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Vinh Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Đặng Xuân Khang	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Bích Ngọc	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022)
Bà Phùng Thị Diễm	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Chí Phong	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VĨNH YÊN



CHỦ TỊCH HĐQT
Ngô Văn Hùng

Ngô Văn Hùng

Chủ tịch

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 01 năm 2023



Số: 163-23/BC.KT-UNI

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông,
Ban điều hành
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Vĩnh Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Vĩnh Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 01 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.868.264.392	212.926.057.154
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.047.787.914	441.863.428
1 Tiền	111	V.1.	9.047.787.914	441.863.428
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150.057.123.423	211.697.378.292
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	89.319.597.818	83.021.552.126
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	2.442.511.351	51.142.234.758
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	60.089.698.812	79.388.275.966
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.	(1.794.684.558)	(1.854.684.558)
IV Hàng tồn kho	140	V.6.	283.792.160	466.784.143
1 Hàng tồn kho	141		283.792.160	466.784.143
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.479.560.895	320.031.291
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.	2.479.560.895	320.031.291
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.962.678.006	93.701.493.454
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		60.495.185.669	86.996.218.033
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	60.495.185.669	86.996.218.033
- Nguyên giá	222		294.841.677.265	294.413.342.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.346.491.596)	(207.417.124.376)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	6.587.343.989	6.080.375.459
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.587.343.989	6.080.375.459
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9.	65.450.000.000	-
1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		65.450.000.000	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		430.148.348	624.899.962
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	430.148.348	624.899.962
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		294.830.942.398	306.627.550.608

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C NỢ PHẢI TRẢ	300		195.742.140.376	211.354.231.472
I Nợ ngắn hạn	310		161.134.269.524	178.110.831.472
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	12.067.588.814	27.842.609.985
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	219.996.627	1.425.392
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	7.535.479.126	9.035.343.131
4 Phải trả người lao động	314		25.008.932.869	19.422.295.408
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	193.656.149	209.539.417
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	240.000.000
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	2.052.541.568	2.342.513.204
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.	108.966.464.368	114.697.817.332
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.089.610.003	4.319.287.603
II Nợ dài hạn	330		34.607.870.852	33.243.400.000
1 Phải trả người bán dài hạn	331	V.11.	12.109.970.852	-
2 Phải trả dài hạn khác	337	V.15.	180.000.000	180.000.000
3 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.	22.317.900.000	33.063.400.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.088.802.022	95.273.319.136
I Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	96.504.930.780	92.220.201.310
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.699.460.000	59.699.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.699.460.000	59.699.460.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		2.000.000.000	2.000.000.000
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		10.510.975.808	7.510.975.808
4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		655.566.617	655.566.617
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.638.928.355	22.354.198.885
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.354.198.885	18.005.329.839
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.284.729.470	4.348.869.046
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.583.871.242	3.053.117.826
1 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		2.583.871.242	3.053.117.826
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		294.830.942.398	306.627.550.608

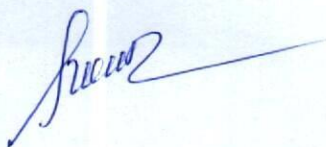
Vinh Phúc, ngày 15 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VINH YÊN

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Người lập biểu



Đào Phương Liễu



Phùng Thị Thanh



Ngô Văn Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	322.035.050.199	321.852.178.902
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		322.035.050.199	321.852.178.902
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	287.705.346.411	284.163.515.505
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		34.329.703.788	37.688.663.397
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	21.931.039	29.674.050
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	10.401.468.853	11.606.461.111
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.401.468.853	11.606.461.111
8 Chi phí bán hàng	25	VI.5.	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5.	16.827.521.969	19.973.021.551
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		7.122.644.005	6.138.854.785
11 Thu nhập khác	31	VI.6.	517.712.578	603.004.640
12 Chi phí khác	32	VI.7.	521.852.319	559.494.669
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(4.139.741)	43.509.971
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.118.504.264	6.182.364.756
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	1.833.774.794	1.833.495.710
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.284.729.470	4.348.869.046
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	717,72	728,46

Vinh Phúc, ngày 15 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VINH YÊN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Đào Phương Liễu





Phùng Thị Thanh

Ngô Văn Hùng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		336.339.817.520	311.443.158.298
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(99.278.281.914)	(96.308.829.364)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(121.276.529.001)	(110.814.525.246)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(10.417.352.121)	(11.396.921.694)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.664.357.689)	(1.488.126.701)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		68.116.783.224	153.479.305.835
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(51.880.255.222)	(202.784.529.618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		119.939.824.797	42.129.531.510
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(928.978.386)	(92.508.181.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	24.399.272.727
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(93.950.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.931.039	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(94.857.047.347)	(68.108.909.091)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		235.733.246.777	241.422.969.842
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(252.210.099.741)	(220.197.379.449)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.476.852.964)	21.225.590.393
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		8.605.924.486	(4.753.787.188)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		441.863.428	5.195.650.616
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1.	9.047.787.914	441.863.428

Vinh Phúc, ngày 15 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VINH YÊN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Đào Phương Liễu





Phùng Thị Thanh

Ngô Văn Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Vinh Yên là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 630/QĐ-CT ngày 10 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Dịch vụ Đô thị Vinh Yên thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500155809, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 08 lần được cấp các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 09 ngày 27 tháng 07 năm 2022 với số vốn điều lệ của Công ty là: **59.699.460.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;
- Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty chỉ có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Thủ Đô, địa chỉ tại Lô A6 Lô A Khu 5,2ha, Dự án nhà ở cho cán bộ cấp cao và cán bộ của Ban Đảng Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Ương, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Chi nhánh là dịch vụ công ích khu vực Cầu Giấy.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 25
- Máy móc thiết bị	03 - 05
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 10
- Tài sản cố định khác	06 - 10

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các công trình: Vườn ươm cây xanh Định Trung và Bãi xe của Chi nhánh Thủ Đô, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Công cụ, dụng cụ: đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.
- Chi phí bảo hiểm: được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian quy định tại Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.
- Các khoản chi phí khác: được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh quy định các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát do mỗi bên liên doanh bỏ ra thì bên đó phải gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

Khi mang tiền, tài sản đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh Công ty ghi nhận là khoản nợ phải thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là chi phí lãi vay phải trả. Chi phí này được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là tiền thu từ phí thẩm định giá, tiền bồi thường ô tô và các khoản thu nhập khác, được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán có liên quan.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất áp dụng theo đúng quy định của từng thời kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt (tiền VND)	413.764.000	313.070.000
Tiền gửi ngân hàng (tiền VND)	8.634.023.914	128.793.428
Cộng	9.047.787.914	441.863.428

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Huyện Chương Mỹ	3.611.388.397	-	5.968.739.000	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Thành phố Vinh	10.355.615.000	-	11.504.310.000	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Quận Cầu Giấy	31.281.043.275	-	28.514.297.566	-
Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên	7.891.001.414	-	16.800.419.414	-
Ban Quản lý Dự án Xây dựng và Phát triển cụm công nghiệp Huyện Yên Lạc	1.806.448.000	-	1.271.077.000	-
Các đối tượng khác	34.374.101.732	-	18.962.709.146	-
Cộng	89.319.597.818	-	83.021.552.126	-

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hùng Ngọc	283.878.000	-
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	1.774.900.000	1.774.900.000
Công ty CP Thiết bị và Dịch vụ Môi trường Việt Nam	-	49.069.915.000
Các đối tượng khác	383.733.351	297.419.758
Cộng	2.442.511.351	51.142.234.758

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	60.089.698.812	-	79.388.275.966	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>33.149.230.699</i>	-	<i>44.091.961.589</i>	-
Công ty CP Đầu tư cơ điện Việt Nam	-	-	35.000.000.000	-
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng quận Cầu Giấy	3.831.810.691	-	4.357.368.146	-
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Huyện Chương Mỹ	-	-	830.925.637	-
Ông Nguyễn Văn Dương (*)	28.500.000.000	-	-	-
Phải thu về phí vệ sinh dịch vụ công ích	-	-	3.206.090.001	-
Các đối tượng khác	817.420.008	-	697.577.805	-
<i>Dư nợ 3384</i>	<i>18.529.700</i>	-	-	-
<i>Dư nợ 3388</i>	<i>707.221.031</i>	-	-	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>26.182.261.382</i>	-	<i>35.237.858.377</i>	-
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	<i>32.456.000</i>	-	<i>58.456.000</i>	-
Cộng	60.089.698.812	-	79.388.275.966	-

(*) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2022 ngày 28/12/2022 giữa Công ty CP Môi trường và dịch vụ đô thị Vinh Yên và Ông Nguyễn Văn Dương

c) **Phải thu khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2.**5. Nợ xấu**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ban quản lý dự án công trình "Mở rộng bãi rác tạm Khu công nghiệp Khai Quang, TP. Vinh Yên"	618.491.000	-	618.491.000	-
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Xuyên	792.266.000	-	792.266.000	-
Các đối tượng khác	643.582.358	259.654.800	703.582.358	259.654.800
Cộng	2.054.339.358	259.654.800	2.114.339.358	259.654.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.666.505	-	385.998.777	-
Công cụ, dụng cụ	258.125.655	-	80.785.366	-
Cộng	283.792.160	-	466.784.143	-

7. Chi phí trả trước	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
	a) Ngắn hạn	2.479.560.895
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.988.997.375	301.803.334
Chi phí bảo hiểm	89.026.098	-
Các khoản chi phí khác	401.537.422	18.227.957
b) Dài hạn	430.148.348	624.899.962
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	340.408.148	437.261.362
Chi phí sửa chữa TSCD	89.740.200	187.638.600
Cộng	2.909.709.243	944.931.253

8. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Công trình vườn ươm cây xanh Định Trung	6.587.343.989	-	5.658.365.603	-
Bãi xe của Chi nhánh Thủ Đô	-	-	422.009.856	-
Cộng	6.587.343.989	-	6.080.375.459	-

9. Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị hợp lý	Giá trị	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư công nghiệp Vinh Phúc	65.450.000.000	-	-	-
Cộng	65.450.000.000	-	-	-

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VINH YÊN

Địa chỉ: Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản Nhà nước giao	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2022	13.245.781.675	379.599.996	182.076.811.693	98.711.149.045		294.413.342.409
Mua trong năm	428.334.856	-	-	-		428.334.856
Số dư ngày 31/12/2022	13.674.116.531	379.599.996	182.076.811.693	98.711.149.045		294.841.677.265
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2022	10.620.973.530	363.560.012	100.774.559.615	95.658.031.219		207.417.124.376
Khấu hao trong năm	439.684.050	16.039.984	26.004.396.602	469.246.584		26.929.367.220
Số dư ngày 31/12/2022	11.060.657.580	379.599.996	126.778.956.217	96.127.277.803		234.346.491.596
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	2.624.808.145	16.039.984	81.302.252.078	3.053.117.826		86.996.218.033
Tại ngày 31/12/2022	2.613.458.951	-	55.297.855.476	2.583.871.242		60.495.185.669

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 41.562.163.990 VND.

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022 là: 126.479.061.867 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. Phải trả người bán**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	12.067.588.814	-	27.842.609.985	-
Công ty CP Làng Rùa	2.191.420.000	-	4.752.660.000	-
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Quyền Khánh	-	-	9.037.540.600	-
Đào Thị Thanh Sơn	-	-	2.016.787.975	-
Nguyễn Thị Tâm	44.000.000	-	1.044.000.000	-
Nhà vườn Hàm Mị	2.097.864.600	-	1.236.438.400	-
Công ty CP VCOMSAT	145.725.000	-	145.725.000	-
Điện lực Thành phố Vinh Yên - Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	218.189.997	-	1.949.930	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Xây dựng Phú Thành Đạt	3.457.951.099	-	-	-
Các đối tượng khác	3.912.438.118	-	9.607.508.080	-
b) Dài hạn	12.109.970.852	-	-	-
Công ty TNHH Lan Hiền	604.800.000	-	-	-
Công ty TNHH Môi trường Bình Xuyên	438.240.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Tuấn Linh Vĩnh Phúc	1.034.074.700	-	-	-
Công ty TNHH Thương binh Đầu tư Thương mại Thịnh Vượng	4.870.920.000	-	-	-
Các đối tượng khác	5.161.936.152	-	-	-
Cộng	24.177.559.666	-	27.842.609.985	-

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thành phố Vinh Yên	191.152.107	-
Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội	18.720.000	-
Các đối tượng khác	10.124.520	1.425.392
Cộng	219.996.627	1.425.392

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	7.378.438.544	21.999.018.388	23.715.935.757	5.661.521.175
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.602.481.867	1.833.774.794	1.664.357.689	1.771.898.972
Thuế thu nhập cá nhân	54.422.720	126.459.664	78.823.405	102.058.979
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	671.864.893	671.864.893	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	9.035.343.131	24.635.117.739	26.134.981.744	7.535.479.126

14. Chi phí phải trả

31/12/2022

01/01/2022

VND

VND

Ngắn hạn

Chi phí lãi vay

193.656.149

209.539.417

Cộng**193.656.149****209.539.417****15. Phải trả khác**

31/12/2022

01/01/2022

VND

VND

a) Ngắn hạn

2.052.541.568

2.342.513.204

Kinh phí công đoàn

454.053.015

346.879.809

Các khoản phải trả, phải nộp khác

1.598.488.553

1.995.633.395

Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng TP Vinh Yên

731.788.900

342.004.200

Phùng Thị Diễm

-

527.117.455

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Cầu Giấy

249.340.335

-

Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thành phố Vinh Yên (DVCI)

146.590.545

-

Các đối tượng khác

470.768.773

1.126.511.740

b) Dài hạn

180.000.000

180.000.000

Nhận ký cược, ký quỹ

180.000.000

180.000.000

Công ty TNHH Thương mại Anh Long

180.000.000

180.000.000

Cộng**2.232.541.568****2.522.513.204****c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2.**

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VINH YÊN

Địa chỉ: Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
a) Vay ngắn hạn	108.966.464.368	108.966.464.368	244.010.846.777	249.742.199.741	114.697.817.332	114.697.817.332
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>100.688.864.368</i>	<i>100.688.864.368</i>	<i>235.733.246.777</i>	<i>230.445.199.741</i>	<i>95.400.817.332</i>	<i>95.400.817.332</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (1)	69.920.873.020	69.920.873.020	178.657.565.918	178.259.197.476	69.522.504.578	69.522.504.578
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	-	6.687.878.237	6.687.878.237	6.687.878.237
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	30.767.991.348	30.767.991.348	57.075.680.859	45.498.124.028	19.190.434.517	19.190.434.517
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>8.277.600.000</i>	<i>8.277.600.000</i>	<i>8.277.600.000</i>	<i>19.297.000.000</i>	<i>19.297.000.000</i>	<i>19.297.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	3.157.600.000	3.157.600.000	3.157.600.000	14.177.000.000	14.177.000.000	14.177.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	5.120.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000
b) Vay dài hạn	22.317.900.000	22.317.900.000	-	10.745.500.000	33.063.400.000	33.063.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (3)	4.982.900.000	4.982.900.000	-	5.625.500.000	10.608.400.000	10.608.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc (4)	17.335.000.000	17.335.000.000	-	5.120.000.000	22.455.000.000	22.455.000.000
Cộng	131.284.364.368	131.284.364.368	244.010.846.777	260.487.699.741	147.761.217.332	147.761.217.332

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÓ THỊ VINH YÊN

Địa chỉ: Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

- (1): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Phúc theo hợp đồng hạn mức số 01/2022/5982056/HĐTD ngày 29/03/2022 với hạn mức là 275 tỷ và dư nợ vay ngắn hạn không quá 130 tỷ. Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh. Lãi suất theo từng hợp đồng tin dụng cụ thể.
- (2): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo hợp đồng hạn mức số:01.300269648/2021-HĐCBLHM/NHCT246-DOTHIVINHUYEN ngày 28/12/2021 với hạn mức là 180 tỷ, từ ngày 28/12/2021 đến ngày 30/11/2022. Mục đích bảo lãnh phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng hợp đồng cụ thể.
- (3): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Phúc: gồm 05 hợp đồng 01/2018/5982056/HĐTD lãi suất 10,5%, hợp đồng 03/2017/5982056/HĐTD lãi suất 10%, hợp đồng 05/2018/5982056/HĐTD lãi suất 10%, hợp đồng 06/2018/5982056/HĐTD lãi suất 10% và hợp đồng 07/2018 5982056/HĐTD lãi suất 10%. Mục đích vay mua ô tô chuyên dùng phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.
- (4): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc: Theo hợp đồng số 01.300.269648/2021-HĐCVDADT/NHCT246-MTDTVINHYEN ngày 03/02/2021. Mục đích vay để đầu tư mua phương tiện giao thông vận tải chuyên dùng phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tư. Lãi suất 2 năm đầu tối thiểu là 8%, từ năm thứ 3 được tính bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01.300.269648/2021/HĐBĐ/NHCT246-MTDTVINHYEN.

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÓ THỊ VĨNH YÊN

Địa chỉ: Số 379, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. Vốn chủ sở hữu**17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 01/01/2021	59.699.460.000	2.000.000.000	4.010.975.808	655.566.617	22.505.329.839	88.871.332.264
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	4.348.869.046	4.348.869.046
Trích lập các quỹ	-	-	3.500.000.000	-	(4.500.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	59.699.460.000	2.000.000.000	7.510.975.808	655.566.617	22.354.198.885	92.220.201.310
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	5.284.729.470	5.284.729.470
Trích lập các quỹ	-	-	3.000.000.000	-	(4.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	59.699.460.000	2.000.000.000	10.510.975.808	655.566.617	23.638.928.355	96.504.930.780

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	59.699.460.000	59.699.460.000
Cộng	59.699.460.000	59.699.460.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	59.699.460.000	59.699.460.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	59.699.460.000	59.699.460.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.969.946	5.969.946
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.969.946	5.969.946
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.969.946	5.969.946
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.969.946	5.969.946
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.969.946	5.969.946
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

17.5 Các quỹ của Công ty

Khoản mục	01/01/2022	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2022
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	4.319.287.603	1.000.000.000	229.677.600	5.089.610.003
Quỹ Đầu tư phát triển	7.510.975.808	3.000.000.000	-	10.510.975.808
Cộng	11.830.263.411	4.000.000.000	229.677.600	15.600.585.811

*** Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của Công ty**

Trong năm, Công ty trích lập các quỹ từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 06/BB-ĐHĐCĐ-MVY ngày 28/04/2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	322.035.050.199	321.852.178.902
Cộng	322.035.050.199	321.852.178.902

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	287.705.346.411	284.163.515.505
Cộng	287.705.346.411	284.163.515.505

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.931.039	29.674.050
Cộng	21.931.039	29.674.050

4. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay trong năm	10.401.468.853	11.606.461.111
Cộng	10.401.468.853	11.606.461.111

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	11.444.911.978	12.240.930.441
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	727.816.474	864.150.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.669.195.321	2.650.323.897
Thuế, phí và lệ phí	198.377.799	148.813.619
Dự phòng phải thu khó đòi	-	251.954.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.130.000	2.106.532.920
Các chi phí khác	1.761.090.397	1.710.316.138
Cộng	16.827.521.969	19.973.021.551

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	329.019.530
Thu phí thẩm định giá	363.000.000	-
Thu tiền bồi thường ô tô	100.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	54.712.578	273.985.110
Cộng	517.712.578	603.004.640

7. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Phạt bán án kinh doanh	329.868.152	-
Thuế bị phạt, truy thu	87.096.046	369.734.404
Tiền lãi chậm nộp	103.930.375	69.407.438
Các khoản chi phí khác	957.746	120.352.827
Cộng	521.852.319	559.494.669

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.430.814.777	13.562.746.144
Chi phí nhân công	152.961.589.149	132.745.754.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.929.367.220	25.776.300.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.538.404.515	129.425.795.841
Chi phí khác bằng tiền	3.141.939.303	2.625.940.945
Cộng	305.002.114.964	304.136.537.056

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	7.118.504.264	6.182.364.756
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	2.050.369.705	2.468.013.220
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	9.168.873.969	8.650.377.976
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.833.774.794	1.730.075.595
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	-	103.420.115
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.833.774.794	1.833.495.710

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.284.729.470	4.348.869.046
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.284.729.470	4.348.869.046
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.000.000.000	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.969.946	5.969.946
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	717,72	728,46

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	235.733.246.777	241.422.969.842
---	-----------------	-----------------

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	252.210.099.741	220.197.379.449
--	-----------------	-----------------

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Các thành viên Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**a) Danh sách các bên liên quan**Bên liên quanMối quan hệ

Công ty CP Đầu tư Le-Delta

Cùng chủ sở hữu

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả khác		
Công ty CP Đầu tư Le-Delta	663.617.107	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

c) Thu nhập của các thành viên chủ chốt, ban kiểm soát

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên chủ chốt, Ban kiểm soát	2.841.104.905	2.249.512.464
Cộng	2.841.104.905	2.249.512.464

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 do Công ty lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VĨNH YÊN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Đào Phương Liễu

Phùng Thị Thanh

Ngô Văn Hùng